

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 33, Điều 59 và Điều 62 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 21/7/2023 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 249/2022/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Khu phố B, thị trấn B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Anh Đặng Thanh Đ, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Khu phố B, thị trấn B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Cháu Đặng Thanh T1, sinh ngày 16/11/2005;

+ Cháu Đặng Thanh Đ1, sinh ngày 16/6/2009;

Người đại diện theo pháp luật của cháu Đặng Thanh T1, cháu Đặng Thanh Đ1: Chị Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1979;

Cùng địa chỉ: Khu phố B, thị trấn B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

*. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Kim T và anh Đặng Thanh Đ xác định thửa đất số 541, tờ bản đồ số 23, diện tích 114 m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH02565 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp cho hộ ông Đặng Thanh Đ ngày 27/5/2015, đất tại khu phố B, thị trấn B, huyện C, tỉnh Tiền Giang và căn nhà cấp 04 diện tích 111,72m² gắn liền với thửa đất 541 nói trên, nhà có kết cấu: mái tole, cột bê tông cốt thép, tường gạch xây tô ốp gạch ceramic, nền gạch ceramic, có khu phụ, cửa đi chính làm bằng gỗ

quy cách và mái che trước, sau. Mái che trước kết cấu: mái tole, cột thép, kèo gỗ, nền gạch ceramic. Mái che sau kết cấu: mái tole, cột thép, kèo gỗ tạp, nền xi măng là tài sản chung có giá trị 476.780.983 đồng. Chị **T** và anh **Đ** thống nhất thỏa thuận:

- Chia cho chị **Nguyễn Thị Kim T**: thửa đất số 541, tờ bản đồ số 23, diện tích 114 m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH02565 do **Ủy ban nhân dân huyện C**, tỉnh Tiền Giang cấp cho hộ ông **Đặng Thanh Đ** ngày 27/5/2015 cùng toàn bộ tài sản gắn liền với thửa đất số 541 và căn nhà cấp 04 diện tích 111,72m² gắn liền với thửa đất 541, nhà có kết cấu: mái tole, cột bê tông cốt thép, tường gạch xây tô ốp gạch ceramic, nền gạch ceramic, có khu phụ, cửa đi chính làm bằng gỗ quy cách và mái che trước, sau. Mái che trước kết cấu: mái tole, cột thép, kèo gỗ, nền gạch ceramic. Mái che sau kết cấu: mái tole, cột thép, kèo gỗ tạp, nền xi măng, nhà, đất tại **khu phố B, thị trấn B, huyện C, tỉnh Tiền Giang**. Phần đất có tứ cận như sau:

- + Bắc giáp đường bê tông;
- + Nam giáp đường nước;
- + Đông giáp thửa đất 540 của **Đặng Văn S, Nguyễn Thị H**;
- + Tây giáp thửa 488 của **Phạm Văn T2**.

(Có sơ đồ kèm theo)

- Chị **Nguyễn Thị Kim T** có nghĩa vụ hoàn lại cho anh **Đặng Thanh Đ** giá trị phần nhà và đất mà anh **Đ** được hưởng với số tiền là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng).

Anh **Đ**, chị **T** cùng thực hiện nghĩa vụ vào ngày 01/8/2023.

Chị **Nguyễn Thị Kim T** được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo quy định pháp luật.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

*. Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*. Về chi phí tố tụng: Chị **Nguyễn Thị Kim T** tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng, chị **T** đã nộp xong chi phí.

*. Về án phí:

- Anh **Đ** tự nguyện chịu 7.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Chị **T** tự nguyện chịu 4.419.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào 3.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị **T** đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án

phí, lệ phí Tòa án số 0016104 ngày 26/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên chị **T** phải nộp tiếp 919.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- CCTHADS huyện Cai Lậy;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Văn Giang